

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 27-6-2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Đên.
- Bà Dương Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: thành phố Tân An, tỉnh Long An (Có mặt).
- Bị đơn:* Bà Tô Thị G, sinh năm 1964; Địa chỉ: huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2022 của nguyên đơn và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn ông Lê Quốc T, như sau:

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 ông có cho vợ chồng bà Tô Thị G và ông Trần Văn D vay số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay là 01 tháng, không tính lãi, mục đích vay là để vợ chồng bà G đầu tư trồng thanh long, khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian vay tiền thì ông D chết nên

đến thời gian trả nợ (ngày 28/02/2019) bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Tô Thị G trả cho ông số tiền nợ 150.000.000đ và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 27/5/2022 là 38 tháng 26 ngày với lãi suất chậm trả 0,83%/tháng, thành tiền là 48.000.000đ (làm tròn).

2. Bị đơn bà Tô Thị G vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Đồng thời vẫn ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Ông Lê Quốc T khởi kiện yêu cầu bà Tô Thị G trả số tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng dân sự về vay tài sản. Do bà G có nơi cư trú tại thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, bà Tô Thị G, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông T khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền vốn vay 150.000.000đ. Ông T có cung cấp Giấy mượn tiền (bản chính viết tay) ngày 28/01/2019 thể hiện nội dung: “... Vợ chồng tôi có mượn của anh T số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 28.01.2019 dl đến ngày 28.02.2019 dl trả vốn...” có chữ ký tên người mượn là ông Trần Văn D, bà Tô Thị G. Bà G và ông D là người trực tiếp ký tên vay tiền của ông T sau đó ông D chết. Theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “... 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập.... 2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...”. Bà G và ông D là vợ chồng, cùng đứng

ra xác lập giao dịch nên khi ông D chết thì bà G phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh do vợ chồng xác lập. Bị đơn, bà Tô Thị G, đã Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng bà G không có ý kiến phản đối gì. Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà G còn nợ ông T số tiền 150.000.000đ nên buộc bà G phải trả cho ông T.

[4] Ông T yêu cầu bà G trả tiền lãi chậm trả tính trên số tiền vốn vay 150.000.000đ từ ngày 01/03/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/5/2022), với lãi suất 0,83% tháng làm tròn là 48.000.000đ. Xét thấy, giấy nợ lập ngày 28/01/2019 các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời gian trả nợ là ngày 28/02/2019. Do bà G không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông T nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 468, 357 của Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà G trả tiền lãi.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc bà Tô Thị G trả cho ông Lê Quốc T số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng 198.000.000.000đ nên bà G phải chịu án phí tính trên số tiền này. Ông Lê Quốc T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" với bà Tô Thị G.

Buộc bà Tô Thị G trả cho ông Lê Quốc T 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền vốn vay và 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) tiền lãi, tổng cộng là 198.000.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tô Thị G phải chịu 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Lê Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.808.000đ (Bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai số 7140, ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng